TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Quang Liêm;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2019/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 7 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ng, sinh năm 1982; Nơi đăng ký HKTT: Thôn L, xã Th, huyện K, tỉnh Hải Dương; hiện trú tại: xã H, huyện G, tỉnh Bình Dương (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1979; trú tại: Thôn L, xã Th, huyện K, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – chị Ng trình bày: Chị và anh Lê Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Uỷ ban nhân dân (UBND) xã Th, huyện K, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/01/2000. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 4 đến 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T chơi bời, không chịu làm ăn, hay uống rượu, nghi ngờ chị thiếu chung thủy nên anh thường xuyên đánh chửi chị. Tháng 8/2010 chị về bên họ ngoại của chị tại thôn Th, xã L ở,

đến năm 2012 chị vào miền nam ở từ đó đến nay. Từ năm 2012 đến nay chị và anh T không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định hôn nhân giữa chị và anh T không hạnh phúc, không thể quay lại chung sống được nữa nên chị khởi kiện xin ly hôn.

Về quan hệ con chung: Chị và anh T có 02 con là Lê Văn T1, sinh ngày .../7/2000 và Lê Lương Ph, sinh ngày ../12/2007. Hiện cháu T1 đã lớn, có gia đình riêng nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng, còn cháu Ph đang ở cùng anh T. Do cháu Ph có nguyện vọng ở với anh T nên chị nhất trí để anh T nuôi con sau khi anh chị ly hôn.

Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn - anh T trình bày: Quá trình kết hôn, thời gian chung sống, con chung đúng như chị Ng trình bày, còn nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Ng thiếu chung thủy, lạnh nhạt với anh. Năm 2010, chị Ng bỏ về xã L, huyện K sống cùng gia đình bên ngoại, anh đã đến động viên chị quay lại chung sống nhưng không được; từ năm 2012, sau khi chị Ng bỏ vào miền Nam sống cho đến nay anh chị không gặp gỡ, quan tâm đến nhau. Nay chị Ng khởi kiện xin ly hôn, anh xác định anh chị đã sống ly thân gần 10 năm, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn nhưng anh không nhất trí ly hôn vì hiện anh chị đã có cháu nội, anh muốn chị quay về chung sống, trông nom cháu nội để cho các con của anh chị đi làm. Nếu chị Ng kiên quyết xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và giao cháu Ph cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị Ng phải cấp dưỡng cho con.

Tại lời khai, cháu Ph là con chung của anh T, chị Ng trình bày: Hiện cháu đang ở cùng bố (anh T) tại xã Th, huyện K; cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở với bố nếu bố mẹ cháu ly hôn.

Chính quyền địa phương xã Th cung cấp: Anh T, chị Ng là người địa phương, được UBND xã Th tổ chức đăng ký kết hôn hợp pháp vào năm 2000, hai người chung sống đến năm 2010 thì chị Ng bỏ đi khỏi địa phương. Nay chị Ng khởi kiện xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa: Chị Ng vắng mặt, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh T, nhất trí để anh T trực tiếp nuôi con.

Bị đơn - anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai song vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ng đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự

(BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Phạm Thị Ng ly hôn anh Lê Văn T; giao con Lê Lương Ph cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị Ng phải cấp dưỡng cho con; chị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong phần tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn - chị Phạm Thị Ng vắng mặt tại phiên tòa song chị có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn - anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai song vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng quy định tại các 227, 228 và Điều 238 BLTTDS.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị Ng và anh Lê Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Th, huyện K nơi sinh sống của anh chị khi đó tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của pháp luật nên hôn nhân giữa chị Ng và anh T là hợp pháp.

[3] Chị Ng khởi kiện xin ly hôn, anh T xác định tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn nhưng anh không nhất trí ly hôn vì anh chị đã có cháu nội, anh muốn chị quay về chung sống để trông cháu cho các con đi làm. HĐXX thấy rằng, tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau..Như vậy, việc anh chị đã không chung sống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau từ tháng 8 năm 2010 đến nay đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các đương sự, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Ng ly hôn anh T.

[4] *Về quan hệ con chung*: Chị Ng và anh T có 02 con là là Lê Văn T1, sinh ngày .../7/2000 và Lê Lương Ph, sinh ngày .../12/2007. Hiện cháu T1 đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không đặt ra nghĩa vụ nuôi dưỡng, còn cháu Ph đang ở cùng anh T và cháu có nguyện vọng được ở với bố (anh T) sau khi anh chị ly hôn. Anh T, chị Ng thống nhất để anh T nuôi con, anh không yêu cầu chị Ng phải cấp dưỡng cho con. HĐXX thấy rằng, anh T, chị Ng thỏa thuận để anh T trực tiếp nuôi con (cháu Ph), cháu Ph cũng có nguyện vọng ở với bố nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn

nhân và gia đình giao cháu Ph cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị Ng phải cấp dưỡng cho con.

[5] *Về quan hệ tài sản*: Do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị Phạm Thị Ng khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về…án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Phạm Thị Ng ly hôn anh Lê Văn T.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cho anh Lê Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Lê Lương Ph, sinh ngày .../12/2007 cho đến khi đủ 18 tuổi; chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị Ng phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Chị Phạm Thị Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Phạm Thị Ng phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0005183 ngày 19 tháng 7 năm 2019.

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị Phạm Thị Ng, anh Lê Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã Th, H.K;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Quốc Quân